

**HTÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày 26/02/2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Lợi Êban; Ông Rmah In.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý 131/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, Đ. Bà D có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Lê H sinh năm 1959 bà Từ Thị A sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, Đ. Ông H và bà A có mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:*

Ngày 01/01/2018 tôi cho vợ chồng ông Lê H bà Từ Thị A vay 350.000.000đồng. Sau đó, tôi cho ông H vay thêm 20.000.000đồng, nhưng không

ghi giấy tờ. Tổng cộng tôi cho vợ chồng ông H bà A vay 370.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 5.000.000đồng/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Tại đơn khởi kiện, tôi yêu cầu vợ chồng ông H bà A phải trả cho tôi tiền gốc 370.000.000 đồng và 410.000.000đồng tiền lãi, tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 01/11/2024 với lãi suất 1,5%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, tôi đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Nay tôi chỉ yêu cầu vợ chồng ông H bà A phải trả cho tôi tiền vay là 370.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*). Nếu vợ chồng ông H bà A không trả tiền cho tôi một lần được, thì tôi tạo điều kiện cho ông H bà A trả cho tôi mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Vợ chồng ông H bà A có ý định chuyển nhượng cho tôi một thửa đất có giá trị 400.000.000đồng để khấu trừ nợ. Nhưng các bên chỉ thỏa thuận miệng, chưa viết giấy tờ gì với nhau, nên tôi không giữ một loại giấy tờ gì liên quan đến việc vợ chồng ông H bà A có ý định chuyển nhượng đất cho tôi.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông Lê H bà Tì Thị A trình bày:*

Vợ chồng tôi và bà Nguyễn Thị Ngọc D là sui gia với nhau. Ngày 01/01/2018 vợ chồng tôi vay của bà D 350.000.000 đồng, hai bên có làm Hợp đồng vay tiền với nhau, tiền lãi 5.000.000đồng/tháng. Chúng tôi có trả được một năm tiền lãi. Do làm ăn thất bại, nên vợ chồng tôi thỏa thuận sang nhượng 01 lô đất bề ngang 5m giá trị 400.000.000đồng cho bà D, để khấu trừ nợ. Hai bên có làm Giấy sang nhượng đất, đưa cho bà D giữ. Sau đó, bà D cho ông H vay thêm 20.000.000đồng. Tổng hai lần vay, vợ chồng tôi nợ bà D 370.000.000 đồng, nhưng bà D thay đổi ý định, không nhận đất nữa mà lấy tiền. Do vậy, khi nào bán được đất thì vợ chồng tôi trả nợ cho bà D.

Do khó khăn, vợ chồng tôi chỉ có khả năng trả cho bà D 1.000.000đồng/tháng. Khi hết hạn hợp đồng cho thuê đất, vợ chồng tôi sẽ bán đất trả nợ cho bà D. Vợ chồng tôi yêu cầu bà D phải trả lại Giấy sang nhượng đất cho chúng tôi, để chứng minh sự việc trên là có thật thì chúng tôi mới trả tiền cho bà D.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; Việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng

xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D: Buộc vợ chồng ông Lê H bà Từ Thị A phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D 370.000.000đồng tiền vay; Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn bà D về yêu cầu bị đơn vợ chồng ông H bà A phải trả 410.000.000đồng tiền lãi; Vợ chồng ông H bà A là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1.] Về tố tụng.

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Lê H bà Từ Thị A phải trả nợ tiền vay. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc. Áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn bà D về yêu cầu bị đơn vợ chồng ông H bà A phải trả 410.000.000đồng tiền lãi /số nợ gốc.

[2] Về nội dung.

Nguyên đơn bà D và vợ chồng ông Lê H đều thừa nhận, vào ngày 01/01/2018 bà D cho vợ chồng ông H bà A vay 350.000.000đồng. Sau đó, bà D cho ông H vay thêm 20.000.000 đồng. Tổng số tiền vợ chồng ông H bà A còn nợ bà D là 370.000.000đồng (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*). Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS. Tuy nhiên, các đương sự không thoả thuận được với nhau về phương thức trả nợ, HĐXX cần xem xét giải quyết.

[2.1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Xét thấy vợ chồng ông H bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của bà D, buộc vợ chồng ông H bà A phải có nghĩa vụ trả cho bà D 370.000.000đồng (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*).

[2.2] Vợ chồng ông H bà A có ý định chuyển nhượng thửa đất có giá trị 400.000.000đồng để khấu trừ nợ cho bà D, nhưng sau này bà D không chấp thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông H bà A yêu cầu bà D trả lại Giấy viết tay sang nhượng đất, nhưng bà D không thừa nhận đang giữ Giấy viết tay sang nhượng đất do vợ chồng ông H bà A viết cho bà D. Nên không có căn cứ để buộc bà D phải trả lại Giấy viết tay sang nhượng đất do vợ chồng ông H bà A viết cho bà D. Mặt khác, vợ chồng ông H bà A không có đơn yêu cầu và nộp tiền tạm ứng án phí. Nên, HĐXX không xem xét yêu cầu này của vợ chồng ông H bà A, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông H bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn bà D được HĐXX chấp nhận $370.000.000\text{đồng} \times 5\% = 18.500.000\text{đồng}$. Tuy nhiên, vợ chồng ông H bà A là người cao tuổi và ông bà có đơn đề nghị miễn án phí, nên ông H bà A được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D.

1.1 Buộc vợ chồng ông Lê H bà Từ Thị A phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D 370.000.000đ (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*) tiền vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Lê H bà Từ Thị A phải trả 410.000.000đồng tiền lãi.

2. Về án phí: Ông Lê H bà Từ Thị A được miễn toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương

